

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 13/3/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Huy

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Biểu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Huy Cường, ông Trần Đức Thắng và ông Phạm Văn Hiệu

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Thu Hương - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/HSST ngày 29 tháng 01 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/HSST-QĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Hà Thị H**, sinh năm 1985 tại Hưng Yên (tên bị cáo sử dụng khi bỏ trốn: Vũ Thị Hằng).

Nơi cư trú: Thôn QX, xã QH, huyện PC, tỉnh Hưng Yên; Nghề Nộp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn Q, sinh năm 1956 và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; có chồng là Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982 (là bị cáo trong vụ án) và có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2018 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị H: Luật sư Bùi Đình S - Văn phòng luật sư PS, Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên (có mặt).

2. Bị cáo **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1982 tại Hưng Yên (tên bị cáo sử dụng khi bỏ trốn: Nguyễn Văn Nam).

Nơi cư trú: Thôn QX, xã QH, huyện PC, tỉnh Hưng Yên; Nghề Nộp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1954 và con bà Nguyễn

Thị V1, sinh năm 1955; có vợ là Hà Thị H, sinh năm 1985 (là bị cáo trong vụ án) và có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2018 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1: Luật sư Nguyễn Hùng P - Văn phòng luật sư PS, Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên (có mặt).

** Bị hại:*

1. Ông Vũ Văn N, sinh năm 1973 và bà Trần Thị CH1ên, sinh năm 1973.

Đều trú tại: Số 38-40 KC1 Phố Cao, thị trấn Trần Cao, huyện PC, tỉnh Hưng Yên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Quỹ tín dụng nhân dân QH, huyện PC, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2 – Chủ tịch HĐQT (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện PC, do ông Nguyễn Văn T – Giám đốc chi nhánh là người đại diện (vắng mặt).

2. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1976; trú tại thôn QX, xã QH, huyện PC, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

** Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn Nghiêm, anh Nguyễn Ngọc Thơi, chị Phí Thị H, anh Phạm Văn Tiếp, anh Phạm Đình Thịnh, ông Vũ Hồng V, ông Vũ Văn Phận, anh Vũ Quang Trường, ông Nguyễn Tam Khôi, ông Hà Văn Q, bà Nguyễn Thị V2, ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị V1. Tại phiên tòa có mặt: anh Tiếp, anh Thịnh, ông V, ông Phận, anh Trường, ông Khôi, ông Quân, bà Vui, ông Y và bà V1; vắng mặt ông Nêm, anh Thơi và chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2012, vợ chồng Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 đã dùng thủ đoạn gian dối để vay tiền, chiếm đoạt của vợ chồng ông Vũ Văn N, bà Trần Thị Chuyên và Quỹ tín dụng nhân dân QH, huyện PC số tiền 3.290.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng H, H1 còn vay nợ của nhiều tổ chức, cá nhân khác để đầu tư kinh doanh trang trại chăn nuôi, thuốc thú y, xưởng may nhưng không có khả năng thanh toán, cụ thể như sau:

1. Hành vi thứ nhất: Vào các năm 2008-2009, vợ chồng H, H1 được ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị V1 (là bố mẹ đẻ của H1) và ông Hà Văn Q, bà Nguyễn Thị V2 (là bố mẹ đẻ của H) làm hợp đồng tặng cho hai vợ chồng quyền sử dụng 02 thửa đất và đã được UBND xã QH, huyện PC chứng thực và xác nhận thành nhiều bản, gồm: thửa đất số 321, tờ bản đồ số 05, diện tích 109 m² và thửa đất số 264, tờ bản đồ số 05, diện tích 62 m² tại thôn QX, xã QH, huyện PC, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 02/02/2012 vợ chồng H, H1 làm thủ tục thế chấp 02 thửa đất nêu trên cho Ngân hàng nông Nộp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện PC, tỉnh Hưng Yên (sau đây viết tắt là Agribank chi nhánh huyện PC) để vay 1.300.000.000 đồng, thời hạn 01 năm, lãi suất là 18%/năm, với mục đích đầu tư, kinh doanh trang trại chăn nuôi, thú y và xưởng may nhưng trên thực tế chủ yếu là để trả các khoản vay khác.

Do vẫn thiếu nợ nên vợ chồng H, H1 bàn bạc thế chấp thửa đất số 264, tờ bản đồ số 05, diện tích 62 m² tại thôn QX, xã QH, huyện PC (trước đó đã thế chấp tại Agribank chi nhánh huyện PC) cho vợ chồng ông Vũ Văn N, bà Trần Thị C để vay tiền vào các ngày 11/4/2012, 03/5/2012, 06/5/2012 và ngày 08/5/2012 với tổng số tiền là 1.790.000.000 đồng, lãi suất 2%/ tháng, các lần vay đều có hợp đồng.

Biết không có khả năng thanh toán nên khoảng tháng 7/2012, vợ chồng H, H1 bỏ trốn khỏi địa phương, ông N đã làm đơn trình báo và giao nộp các tài liệu có liên quan cho cơ quan công an.

Tại bản kết luận giám định số 05 ngày 23/11/2012, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: *Chữ ký, chữ viết họ tên Hà Thị H dưới mục đại diện bên vay và chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Văn H1 dưới mục người thừa kế trong 04 giấy hợp đồng cho vay tiền đề các ngày 11/4/2012; 03/5/2012; 06/5/2012 và 08/5/2012 là chữ ký, chữ viết do Nguyễn Văn H1 và Hà Thị H ký và viết ra.*

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 28/12/2018, của Hội đồng định giá tài sản huyện PC đã kết luận: *Thửa đất số 264, tờ bản đồ số 05 có diện tích 62 m² thuộc thôn QX, xã QH, huyện PC tại thời điểm tháng 4/2012 có giá trị là 110.400.000 đồng; tại thời điểm tháng 12/2018 có giá trị là 172.500.000 đồng.*

2. Hành vi thứ hai: Do là khách hàng thường xuyên Quỹ tín dụng nhân dân QH và là hàng xóm với ông Vũ Hồng V, khi đó là Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân QH, kiêm phụ trách các khoản vay tại thôn QX, xã QH nên khoảng năm 2008 được sự giúp đỡ của ông V bằng cách ông V hướng dẫn và chỉ đạo các thành viên trong Quỹ tín dụng nhân dân QH hoàn thiện thủ tục hồ sơ cho vợ chồng H, H1 vay thế chấp “khổng” các tài sản không có thật (gồm: 200 m² đất thổ cư và 50 m² nhà cấp 4; 100 m² đất thổ cư và 80 m² nhà cấp 1; 200 m² đất thổ cư và 60 m² nhà cấp 1) và trực tiếp ký duyệt cho vợ chồng H, H1 vay nhưng thực chất cho vay dưới hình thức “tín chấp” và “vay nóng” tổng số 03 lần tiền vào các ngày 07/9/2011; ngày 02/02/2012 và ngày 22/02/2012, với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 07/9/2011, ông V đã ký duyệt hồ sơ cho vợ chồng H, H1 vay “tín chấp” số tiền là: 150.000.000 đồng, lãi suất 1,9%/tháng; thời hạn vay 12 tháng. Quá trình vay số tiền trên, vợ chồng H, H1 đã trả tiền lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân QH được 17.290.000 đồng.

- Ngày 02/02/2012, ông V ký duyệt “Giấy nhận nợ” cho vợ chồng H1, H “vay nóng” số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, với mức lãi suất là 1.300 đồng/triệu/ngày.

- Ngày 22/02/2012, ông V tiếp tục ký duyệt “Giấy nhận nợ” cho vợ chồng H, H1 “vay nóng” với số tiền là 850.000.000 đồng thời hạn vay 01 tháng, với mức lãi suất là 1.300 đồng/triệu/ ngày.

Các lần vay H đều ký nhận tại mục “Người nhận nợ”; H1 ký nhận tại mục “Người thừa kế”.

Ngay sau các lần vay được số tiền trên, vợ chồng H, H1 đã sử dụng để thanh toán trả tiền nợ cho các cá nhân đã vay nợ trước đó và tiêu xài cá nhân hết. Đến hạn ông V và các thành viên Quỹ tín dụng nhân dân QH đến đòi, đôn đốc trả nợ nhưng vợ chồng H, H1 đều khất lần, không trả.

Quá trình điều tra, ông V và các thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân QH đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu. Ông Nguyễn Văn Hồng, hiện là Chủ tịch hội đồng quản trị - đại diện Quỹ tín dụng nhân dân QH yêu cầu vợ chồng H, H1 phải hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân QH với tổng số tiền là 2.660.800.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 30/6/2018 là 1.160.800.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 111 ngày 17/6/2015, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: *Chữ ký, chữ viết trong các giấy nhận nợ các ngày 02/02/2012 và 22/02/2012 trên đều do Hà Thị Hảo ký và viết ra; Chữ viết, chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 02/02/2012 là do Nguyễn Văn H1 ký, viết ra; Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn H1 tại mục “Người thừa kế” trong Giấy nhận nợ ngày 22/02/2012 do bị tô lại nên không đủ căn cứ giám định. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H1 thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Giấy nhận nợ nêu trên là do H1 trực tiếp ký, viết ra;*

Tại bản kết luận giám định số 338 ngày 18/10/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: *Chữ ký, chữ viết của Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 trên các tài liệu, hồ sơ vay 150.000.000 đồng của Quỹ tín dụng QH ngày 07/9/2011 là do H1- H ký và viết ra.*

Quá trình điều tra đã xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2012, vợ chồng Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 còn vay lãi tiền, tài sản của 33 cá nhân, tổ chức trên địa bàn H1ện PC, tỉnh Hưng Yên và H1ện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương với tổng số tiền là 14.835.000.000 đồng, 1.500 USD và 26,6 cây vàng, cụ thể:

+ Ngày 02/02/2012 vợ chồng H, H1 đã ký hợp đồng thế chấp 02 thửa đất số 321 và số 264 tại thôn QX, xã QH, huyện PC cho Ngân hàng nông Nghiệp & Phát triển nông thôn chi nhánh huyện PC để vay với tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng.

+ Ngày 18/9/2011, vợ chồng H, H1 đã vay của anh Phạm Văn Hùng, sinh năm 1976 ở thôn QX, xã QH, huyện PC số tiền là 700.000.000 đồng, khi vay vợ chồng H, H1 tự nguyện thế chấp cho anh Hùng thửa đất số 109b, tờ bản đồ số 11, diện tích 86m² tại thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB272534, do UBND H1ện Thanh Miện cấp ngày 25/11/2010.

+ Trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2012, vợ chồng H1, H còn vay của 24 cá nhân khác nhau tại các địa bàn huyện PC; huyện Tiên Lữ; thành phố Hưng Yên; huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương và quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội của các ông, bà: Vũ Văn Trượng, Trần Văn Tuấn, Phạm Thị Ý, Đặng Văn Thêm, Lê Thị Na, Vũ Văn Trác, Đào Thị Hồi, Đào Quang Gặp, Phạm Văn Tiệp, Đoàn Thị Dương, Trần Văn Nghệ, Phạm Văn Thiết, Lưu Văn Nhuận, Trịnh Văn Thiện, Doãn Thị Sức, Hoàng Văn Tuấn, Vũ Hồng V, vợ chồng ông Vũ Trí Thiết và bà Vũ Thị Lư, Tống Thị Lua, vợ chồng ông Vũ Văn Tờ và bà Nguyễn Thị Toàn, vợ chồng ông Hà H1 Thư và bà Vũ Thị Sơn, Đỗ Thị Tuyết, Nguyễn Thị TH và Phạm Đình Ban, với tổng số tiền là 12.835.000.000 đồng, cùng 26,6 cây vàng và 1.500USD. Quá trình điều tra xác minh, các tổ chức, cá nhân đã cho vợ chồng H, H1 vay tiền, tài sản nêu trên đều xác định là quan hệ dân sự, đồng thời tự nguyện không yêu cầu, đề nghị gì.

Ngoài ra, vợ chồng H, H1 còn khai nhận còn vay mượn tiền, tài sản của 07 cá nhân khác tại địa bàn H1ện Phù cữ, tỉnh Hưng Yên và H1ện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhưng không nhớ cụ thể số tiền, tài sản đã vay của các ông, bà: Bùi Văn Tuệ, Nguyễn Thị Loan, Lê Ngọc Cán, Hà Thị Gấm, Vũ Văn Tuấn, Nguyễn Trọng Dinh và Nguyễn Tiến Sĩ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng các cá nhân này đều không nhớ số tiền, tài sản đã cho vay, đồng thời không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có liên quan, một số người vắng mặt tại địa phương hoặc từ chối làm việc với Cơ quan điều tra, nên không có căn cứ để xem xét.

Quá trình điều tra Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 16/QĐ-VKS-P3 ngày 28/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Đại diện theo pháp luật của bị hại ông Nguyễn Văn H2 – Chủ tịch HĐQT Quỹ tín dụng nhân dân QH xác định vợ chồng bị cáo H1, H hiện còn nợ Quỹ 1,5 tỷ đồng nhưng xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế thì không có khả năng thanh toán nên Quỹ chỉ yêu cầu các bị cáo trả lại tiền gốc, còn miễn toàn bộ khoản tiền lãi suất cho các

bị cáo. Về hình sự ông Hồng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm được trở về làm ăn trả nợ.

Bị hại ông Vũ Văn N và bà Trần Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị HĐXX buộc các bị cáo trả nợ số tiền gốc là 1.790.000.000đ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của BLHS năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Hà Thị H từ 13 năm 06 tháng đến 14 năm 06 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự buộc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông N, bà C 1.790.000.000đ, bồi thường cho Quỹ tín dụng nhân dân QH 1.500.000.000đ.

Luật sư Bùi Đình S bào chữa cho bị cáo Hà Thị H nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện VKS về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Luật sư đề nghị HĐXX xem xét đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội của các bị cáo bắt nguồn từ việc vay tiền để duy trì sản xuất, nhưng do làm ăn thua lỗ nên mất khả năng thanh toán. Đối với khoản vay của Quỹ tín dụng nhân dân QH bị hại cũng có lỗi, do cho vay không đúng quy định dẫn đến hậu quả các bị cáo phải chịu. Do đó, luật sư đề nghị HĐXX xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế và hoàn cảnh các bị cáo còn có 3 con nhỏ để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Luật sư Nguyễn Hùng P bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1 đề nghị HĐXX xem xét đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội của các bị cáo; vai trò của bị cáo trong vụ án chỉ là người giúp sức; các tình tiết giảm nhẹ và hoàn cảnh các bị cáo còn có 3 con nhỏ để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2012 vợ chồng bị

cáo làm ăn, kinh doanh thua lỗ, không có khả năng thanh toán nhưng vẫn tạo ra vỏ bọc kinh doanh, đầu tư hiệu quả để vay tiền của nhiều người như cáo trạng đã nêu và không có khả năng thanh toán.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại là ông Vũ Văn N trình bày do tin tưởng bị cáo làm ăn đứng đắn và vay mượn có tài sản thế chấp nên trong các ngày 11/4/2012, 03/5/2012, 06/5/2012 và ngày 08/5/2012 vợ chồng ông N đã cho vợ chồng bị cáo vay tổng số tiền là 1.790.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là thửa đất số 264, tờ bản đồ số 05, diện tích 62m² tại thôn QX, xã QH, H1ện PC, tỉnh Hưng Yên. Tháng 7/2012 các bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, ông N làm đơn tố cáo với cơ quan công an mới phát hiện thửa đất này trước đó vào ngày 02/2/2012 bị cáo đã thế chấp tại Agribank chi nhánh huyện PC (cùng với 1 thửa đất khác) để vay số tiền là 1.300.000.000đ. Kết quả điều tra và tại phiên tòa các thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân QH trước đây là ông V, ông Phận, anh Tiệp, anh Thịnh và anh Trường cũng xác định trong khoảng thời gian từ tháng 9/2011 đến ngày 22/02/2012 Quỹ tín dụng nhân dân QH do ông Vũ Hồng V làm giám đốc tin tưởng vợ chồng bị cáo làm ăn, kinh doanh có hiệu quả nên đã cho các bị cáo vay tiền 03 lần theo các giấy vay tiền ngày 07/9/2011; ngày 02/02/2012; ngày 22/02/2012 với tổng số tiền là 1.500.000.000đ nhưng không có tài sản thế chấp. Đến nay, vợ chồng bị cáo còn nợ Quỹ 1,5 tỷ đồng.

Lời khai nhận của các bị cáo còn được chứng minh bằng các vật chứng là bản gốc các hợp đồng vay tiền, giấy nhận nợ đã thu giữ được; kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận chữ ký trong các giấy vay tiền, hợp đồng vay tiền là của bị cáo Hà Thị H và Nguyễn Văn H1. Kết quả xác minh của cơ quan điều tra xác định ngoài các khoản vay bị truy tố các bị cáo còn nợ của nhiều cá nhân, tổ chức khác. Do đó, đủ căn cứ kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 5/2012 các bị cáo Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 bằng thủ đoạn gian dối, thế chấp thửa đất mà trước đó các bị cáo đã đem thế chấp tại Agribank chi nhánh huyện PC cho vợ chồng ông Vũ Văn N, bà Trần Thị C để vay số tiền là 1.790.000.000đ nhưng sử dụng không đúng mục đích, gây thất thoát mất khả năng thanh toán nên đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với hành vi các bị cáo vay Quỹ tín dụng nhân dân QH 1.500.000.000đ, sau đó bỏ trốn có dấu hiệu của tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Hà Thị H, Nguyễn Văn H1 từ tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản sang tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản về hành vi nói trên. Xét thấy, tại thời điểm các bị cáo vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân QH, các bị cáo không có khả năng thanh toán nhiều khoản vay đến hạn nên phải nói dối về hoạt động kinh doanh của mình vẫn hiệu quả để vay được tiền trả nợ các khoản vay khác. Những người nguyên là cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân QH đã trực tiếp duyệt cho vợ chồng bị cáo vay tiền xác định ở thời điểm đó mọi người vẫn hoàn toàn tin tưởng vợ chồng bị cáo làm ăn kinh doanh hiệu quả, sử dụng tiền vay đúng

mục đích nên mới chấp thuận cho vay. Kết quả xác minh của cơ quan điều tra xác định trong khoảng thời gian năm 2008 đến năm 2012 ngoài các khoản vay nói trên, vợ chồng bị cáo còn vay nhiều khoản tiền của các cá nhân khác nhưng đều không có khả năng thanh toán. Như vậy, có cơ sở để xác định các bị cáo có ý thức gian dối trước khi vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân QH, sau đó sử dụng tiền vay không đúng mục đích, mất khả năng thanh toán nên cũng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tổng số tiền các bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của vợ chồng ông Vũ Văn N và Quỹ tín dụng nhân dân xã QH là 3.290.000.000đ nên đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của BLHS năm 1999, nay được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của BLHS năm 2015 có hình phạt như nhau nên sẽ áp dụng quy định của BLHS năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều luật đã viện dẫn trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm với nhau, các bị cáo bàn bạc thỏa thuận và thống nhất ý chí với nhau từ trước khi thực hiện hành vi phạm tội, sau đó cùng nhau bỏ trốn nên cùng giữ vai trò là người thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, các bị cáo có mối quan hệ là vợ chồng, trong đó người trực tiếp đứng ra giao dịch chủ yếu là bị cáo Hà Thị H, còn bị cáo Nguyễn Văn H1 là chỉ là người thừa kế nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo H1.

[4] Hành vi của các cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân QH duyệt cho các bị cáo vay tiền không đúng quy định, không lập hợp đồng tín dụng và lập khống thủ tục về tài sản bảo đảm dẫn đến không thu hồi được nợ, gây thất thoát vốn của Quỹ tín dụng nhân dân QH, ngày 20/01/2016 ông Vũ Hồng V và một số cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân QH đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

[5] Đối với khoản tiền vợ chồng bị cáo H, H1 vay của Ngân hàng nông Nghiệp & Phát triển nông thôn- Chi nhánh huyện PC theo Hợp đồng tín dụng số 2411-LAV-201200214 ngày 03/02/2012 số tiền là 1.300.000.000 đồng, được thế chấp bằng 2 thửa đất số 321, tờ bản đồ số 05, diện tích 109 m² và thửa đất số 264, tờ bản đồ số 05, diện tích 62m² tại thôn QX, xã QH, huyện PC, tỉnh Hưng Yên nên là quan hệ dân sự. Cơ quan điều tra, truy tố không xem xét, xử lý về hình sự là có căn. Do đó, các bên tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với khoản tiền vợ chồng bị cáo H1, H vay của anh Phạm Văn Hùng, sinh năm 1976 ở thôn QX, xã QH, huyện PC ngày 18/9/2011 số tiền là 700.000.000 đồng, được thế chấp bằng thửa đất số 109b, tờ bản đồ số 11, diện tích 86 m² tại thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB272534, do UBND huyện Thanh Miện cấp ngày 25/11/2010 nên là quan hệ dân sự. Cơ quan điều tra, truy tố không xem xét, xử lý

về hình sự là có căn. Do đó, các bên tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[7] Quá trình điều tra xác định, trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2012 vợ chồng H1, H còn vay của 24 cá nhân, với tổng số tiền là 12.835.000.000 đồng, 26,6 cây vàng và 1.500USD. Tuy nhiên, những người đã cho vợ chồng H1, H vay tiền, tài sản nêu trên đều xác định là quan hệ dân sự, không yêu cầu, đề nghị gì đối với các khoản tiền vợ chồng bị cáo còn nợ nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt Nêm trọng, trong khoảng thời gian ngắn, các bị cáo tạo ra vỏ bọc huy động vốn để làm ăn, kinh doanh để chiếm đoạt tiền của nhiều người với số lượng lớn, xâm phạm quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức tín dụng; ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, đời sống của người cho vay; gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho bị hại. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị hại là ông Vũ văn N và bà Trần Thị C quá trình điều tra đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa đại diện Quỹ tín dụng nhân dân QH cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Luật sư bào chữa cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo có một phần lỗi của bị hại là Quỹ tín dụng nhân dân QH nên xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của BLHS là có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, không còn tình tiết giảm nhẹ nào khác.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản 2 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[10] Quyết định hình phạt: Cho đến thời điểm xét xử, các bị cáo chưa bồi thường khắc phục hậu quả đã gây ra cho bị hại. Do đó, xét tính chất, mức độ đặc biệt Nêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và có xét đến hoàn cảnh của các bị cáo như luật sư bào chữa đã nêu, vẫn cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, với mức án khởi điểm mà Viện kiểm sát đề nghị đối với mỗi bị cáo là phù hợp. Quan điểm của các luật sư bào chữa đề nghị xử phạt các bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt không được chấp nhận.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo hiện vợ nọ, không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Ông N bà C yêu cầu bị cáo trả lại số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 1.790.000.000đ và tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải trả tiền lãi. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân xã QH yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt là 1.500.000.000đ và miễn toàn bộ tiền lãi cho các bị cáo. Căn cứ Điều 48 của BLHS năm 2015 buộc các bị cáo Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Vũ Văn N, bà Trần Thị C số tiền gốc là 1.790.000.000đ, chia ra mỗi bị cáo phải chịu 895.000.000đ. Buộc các bị cáo Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả lại Quỹ tín dụng nhân dân xã QH khoản tiền gốc là 1.500.000.000đ, chia ra mỗi bị cáo phải chịu 750.000.000đ.

13. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị H và bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với cả 2 bị cáo.

Xử phạt bị cáo Hà Thị H **13** năm **06** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21/7/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 **12** năm **06** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21/7/2018.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Vũ Văn N và bà Trần Thị C số tiền gốc là 1.790.000.000đ, chia ra mỗi bị cáo phải chịu 895.000.000đ.

Buộc các bị cáo Hà Thị H và Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả lại Quỹ tín dụng nhân dân xã QH 1.500.000.000đ, chia ra mỗi bị cáo phải chịu 750.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ và Cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, nếu các bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền phải trả lại cho bị hại, thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hà Thị H và bị cáo Nguyễn Văn H1 mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 61.350.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo của người có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, thời hạn kháng cáo của người vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- PC47- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPCQ, Tòa hình sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Quốc Huy